| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 11 – GIA LAI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Số: 21 /2026/HNGĐ-ST
Ngày 12-6-2026
"*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nay Lu Vinh.
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Nguyễn Thị Mừng.
2. Ông Ngô Văn Thiêm.
*Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Gia Lai.
Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 11 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1979; CCCD số: 042179000382; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Làng I, xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

*1. Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; căn cước số 042077004027; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Làng I, xã A, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết xét xử vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 16/9/2002 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã K, tỉnh Hà Tĩnh). Quá trình chung sống đến nay thì vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do cả hai bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên đánh dập, chửi bới vợ con. Bản thân chị vì các con nên đã chịu đựng nhưng đến nay chị không thể chịu đựng được thêm nữa, các con cũng đồng ý để chị ly hôn với anh T, Vì vậy, chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã thật trầm trọng và cả hai cũng đã sống ly thân với nhau nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T 03 (ba) người con chung là cháu Nguyễn Hồng T1, sinh năm 2003 (nữ); cháu Nguyễn Tấn S, sinh ngày 13/8/2012 (nam) và cháu Nguyễn Hồng Thảo V, sinh ngày 07/10/2019 (nữ).

Hiện cháu Nguyễn Hồng T1 đã thành niên nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung đối với cháu T1. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Tấn S và cháu Nguyễn Hồng Thảo V. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại văn bản trình bày ý kiến và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 30/5/2026 bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh đã nhận được các Thông báo cũng như Giấy triệu tập của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Gia Lai. Nhưng vì lý do sức khỏe nên anh không thể có mặt theo thời gian, địa điểm mà Tòa án đã thông báo nên anh làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

*Về hôn nhân*: Anh đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 11 - Gia Lai giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị D theo như nội dung yêu cầu khởi kiện của chị D.

*Về con chung:* Anh chị có 03 người con chung là cháu Nguyễn Hồng T1, sinh năm 2003; cháu Nguyễn Tấn S, sinh ngày 13/8/2012 và cháu Nguyễn Hồng Thảo V, sinh ngày 07/10/2019.

Các con muốn ở với ai thì tùy nguyện vọng của các con. Anh không có ý kiến gì. Nếu các con có nguyện vọng sống với anh thì anh đồng ý nuôi dưỡng các con. Không yêu cầu chị D cấp dưỡng.

*Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:***

**[1] Về tố tụng**: Chị Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Anh Nguyễn Văn T hiện cư trú tại xã A, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân khu vực 11 - Gia Lai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc hội.

**[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:** Anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[3] **Về nội dung vụ án:**

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã K, tỉnh Hà Tĩnh) vào ngày 16/9/2002. Việc kết hôn của chị Nguyễn Thị D và

anh Nguyễn Văn T đảm bảo về điều kiện kết hôn, được cơ quan có thẩm quyền đăng ký theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống hạnh phúc, nhưng càng về sau thì cả hai phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng đều không thành. Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T đồng ý ly hôn với nhau, nhưng do anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên toà nên không ghi nhận được sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự về việc ly hôn.

Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..."* và *"...có nghĩa vụ sống chung với nhau"*. Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng... vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"*. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T là có thật, anh chị đã được gia đình động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Cả hai đều thừa nhận bản thân không còn tình cảm thương yêu, không muốn tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy căn cứ vào Điều 19 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, xử cho chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T ly hôn.

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T có 03 người con chung là cháu Nguyễn Hồng T1, sinh ngày 24/01/2003 (nữ); cháu Nguyễn Tấn S, sinh ngày 13/8/2012 (nam) và cháu Nguyễn Hồng Thảo V, sinh ngày 07/10/2019 (nữ). Hiện cháu Nguyễn Hồng T1 đã thành niên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết người nuôi con đối với cháu T1.

Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Tấn S và cháu Nguyễn Hồng T2 V vì hiện nay hai cháu đang ở với chị, được chị nuôi dưỡng, chăm sóc đầy đủ về mọi mặt, hai cháu cũng có nguyện vọng được ở với chị D khi cha mẹ ly hôn. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, anh T không phản đối yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con của chị D. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, giao cho chị D được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Tấn S và cháu Nguyễn Hồng Thảo V sau khi ly hôn.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị D đã được giải thích về

quyền, nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, đây là quyền tự định đoạt của chị D nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

[3.4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T đều không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề này.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14.

[5] Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc hội;

Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 28, quyển số 01 ngày 16-9-2002 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã K, tỉnh Hà Tĩnh) hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Giao con chung của chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T là cháu Nguyễn Tấn S, sinh ngày 13/8/2012 (nam) và cháu Nguyễn Hồng Thảo V, sinh ngày 07/10/2019 (nữ) cho chị Nguyễn Thị D có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T ly hôn. Thời điểm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung bắt đầu từ ngày tuyên án (ngày 12/6/2026) cho đến khi thành niên, hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.4. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

**2.** Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003677 ngày 15/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

**3.** Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 11 – Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 – Gia Lai;
- UBND xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nay Lu Vinh**